



Ký bởi: Ủy ban nhân dân
tỉnh Bắc Ninh
Email:
c.pu@ubnd.bacninh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Bắc Ninh
Ngày ký: 30/09/2024
16:08:17 - 07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **33** /2024/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày **20** tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chi tiết, hướng dẫn về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư
khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18/6/2020;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

*Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy
định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 13/7/2024 của Chính phủ quy
định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết, hướng dẫn về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **01** /10/2024.

Bãi bỏ từ Điều 3 đến Điều 10 và từ Điều 16 đến Điều 22 tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành trực thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ TN&MT, Bộ Tư pháp, Bộ Xây dựng (b/c);
- Cục KTVB, Bộ Tư pháp (b/c);
- Vụ Pháp chế, Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tỉnh;
- VPTU, VPĐEQH& HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Cục Thuế, Kho bạc nhà nước tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, các CVNC, Cổng TTĐT;
- Lưu: VT, TNMT, KTTH, XDCB.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đào Quang Khải



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Chi tiết, hướng dẫn về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước
thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành khoản 5 Điều 109 và khoản 7 khoản 10 Điều 111 của Luật Đất đai năm 2024; khoản 3 Điều 4, điểm b khoản 2 Điều 17, điểm c khoản 1 Điều 18, Điều 19, khoản 6 Điều 20, khoản 3 Điều 22, khoản 2 Điều 23, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 24 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan nhà nước thực hiện quyền hạn và trách nhiệm đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai, thực hiện nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước về đất đai và công chức làm công tác địa chính ở cấp xã; đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
- Người có đất thu hồi và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thu hồi.
- Các đối tượng khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Chương II

QUY ĐỊNH CHI TIẾT, HƯỚNG DẪN VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Điều 3. Bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở khi Nhà nước thu hồi đất

1. Điều kiện bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở để bồi thường cho người có đất thu hồi quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Địa phương có điều kiện về quỹ đất, quỹ nhà ở để bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở. Tại thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, thừa đất, nhà ở bố trí để bồi thường phải đủ điều kiện để giao đất, cho thuê đất sử dụng vào mục đích để ở, sản xuất nông nghiệp, sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp.

b) Người có đất thu hồi nếu đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định tại Điều 95 của Luật Đất đai mà có nhu cầu bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở và địa phương có điều kiện về quỹ đất, quỹ nhà ở.

c) Diện tích đất ở, nhà ở sau khi quy đổi theo quy định tại khoản 2 Điều này (để bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở) không được nhỏ hơn diện tích tối thiểu được phép tách thửa hoặc diện tích căn hộ tối thiểu theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 10 quy định này và không vượt quá hạn mức giao đất theo quy định.

2. Tỷ lệ quy đổi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở để bồi thường cho người có đất thu hồi.

a) Trường hợp thu hồi đất nông nghiệp trong khu dân cư, đất nông nghiệp cùng thửa đất có đất ở mà đủ điều kiện được bồi thường theo quy định thì tỷ lệ quy đổi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở như sau: Bằng 10% đối với đất ở hoặc bằng nhà ở; bằng 12% đối với đất thương mại, dịch vụ; các trường hợp khác do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư căn cứ giá bồi thường của loại đất thu hồi và giá đất tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi để xác định tỷ lệ quy đổi của từng trường hợp cụ thể, trình UBND cấp huyện nơi có đất thu hồi phê duyệt trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án theo quy định tại điểm d khoản này.

b) Trường hợp thu hồi đất nông nghiệp không thuộc trường hợp theo quy định tại điểm a khoản này mà đủ điều kiện được bồi thường theo quy định thì tỷ lệ quy đổi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở như sau: Bằng 05% đối với đất ở hoặc bằng nhà ở; bằng 06% đối với đất thương mại, dịch vụ; các trường hợp khác do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư căn cứ giá bồi thường của loại đất thu hồi và giá đất tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi để xác định tỷ lệ quy đổi của từng trường hợp cụ thể, trình UBND cấp huyện nơi có đất thu hồi phê duyệt trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án theo quy định tại điểm d khoản này.

c) Trường hợp thu hồi đất rừng phòng hộ mà đủ điều kiện được bồi thường theo quy định thì tỷ lệ quy đổi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở như sau: Bằng 02% đối với đất ở hoặc bằng nhà ở; các trường hợp khác do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư căn cứ giá bồi thường của loại đất thu hồi và giá đất tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi để xác định tỷ lệ quy đổi của từng trường hợp cụ thể, trình UBND cấp huyện nơi có đất thu hồi phê duyệt trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án theo quy định tại điểm d khoản này.

d) Trường hợp thu hồi đất ở, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở mà đủ điều kiện được bồi thường theo quy định thì tỷ lệ quy đổi bồi thường được xác định bằng giá bồi thường của loại đất thu hồi chia cho giá đất tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi (hoặc giá nhà ở khi bồi thường bằng nhà ở).

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư căn cứ giá bồi thường của loại đất thu hồi và giá đất tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi (hoặc giá nhà ở khi bồi thường bằng nhà ở) để xác định tỷ lệ quy đổi của từng trường hợp cụ thể, trình UBND cấp huyện nơi có đất thu hồi phê duyệt trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Bố trí quỹ đất, quỹ nhà ở để phục vụ cho việc bồi thường bằng đất khác với mục đích sử dụng của loại đất thu hồi và bồi thường bằng nhà ở quy định tại điều này.

b) Căn cứ quỹ đất, quỹ nhà ở hiện có và quy định nêu trên xác định tiêu chí, nguyên tắc, thứ tự ưu tiên để thực hiện bồi thường về đất, nhà ở cho phù hợp đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 4. Xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với trường hợp không có hồ sơ, chứng từ chứng minh

Chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất mà người sử dụng đất không có hồ sơ, chứng từ chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 17 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP được thực hiện như sau:

1. Đối với các trường hợp theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 107 của Luật Đất đai năm 2024

Trường hợp chi phí đầu tư vào đất còn lại không có hồ sơ, chứng từ chứng minh thì đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ tái định cư có trách nhiệm xác định hoặc thuê đơn vị tư vấn có chức năng thực hiện việc lập hồ sơ, phương án xác định khoản chi phí đầu tư vào đất còn lại theo hiện trạng, khối lượng thực tế, đơn giá tại thời điểm xác định chi phí trình UBND cấp huyện phê duyệt.

2. Đối với trường hợp theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 107 của Luật Đất đai năm 2024 được hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 100% giá đất nông nghiệp theo Bảng giá đất do UBND tỉnh quy định, cụ thể:

a) Đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích đang cho người sử dụng đất thuê thì việc hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất cho người đang sử dụng đất 30%; tiền hỗ trợ từ đất thu hồi trả cho ngân sách cấp xã 70%. Trường hợp UBND cấp xã chưa cho các hộ gia đình, cá nhân thuê đất (hoặc đã hết thời hạn thuê) thì trả cho ngân sách cấp xã bằng 70% tiền hỗ trợ từ đất thu hồi.

b) Tiền hỗ trợ từ đất thu hồi trả cho ngân sách cấp xã được nộp vào ngân sách Nhà nước và được đưa vào dự toán ngân sách hàng năm của xã, phường, thị trấn; tiền hỗ trợ chỉ được sử dụng để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng, sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn.

Điều 5. Bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn khi xây dựng công trình, khu vực có hành lang bảo vệ an toàn

Trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất đối với đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn khi xây dựng công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn khi xây dựng công trình, khu vực có hành lang an toàn thì mức bồi thường bằng 50% đơn giá đất cùng loại theo Bảng giá đất Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Điều 6. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất

Hỗ trợ bằng 05 lần (năm lần) giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất UBND tỉnh quy định đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 176 Luật Đất đai.

Điều 7. Hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất

Hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp nếu đủ điều kiện được bồi thường về đất thì được hỗ trợ là 12.000 đồng/m² đất thu hồi.

Điều 8. Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất

1. Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh bằng tiền, mức hỗ trợ bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó; trường hợp thời gian kinh doanh mới được từ 03 năm trở xuống thì tính bình quân theo thời gian thực tế kinh doanh.

Thu nhập sau thuế được xác định là thu nhập sau khi đã nộp thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân, pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc bằng 02 lần mức lương tối thiểu vùng trên một tháng do Nhà nước quy định; thời gian tính trợ cấp là thời gian ngừng sản xuất, kinh doanh, nhưng tối đa không quá 06 tháng.

3. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất theo quy định tại khoản 5 Điều 20 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Mức hỗ trợ là 4.000 đồng/m² đất thu hồi.

Điều 9. Hỗ trợ tiền thuê nhà và hỗ trợ thưởng tiền độ

1. Người có đất ở bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị thì được bồi thường bằng đất ở, nhà ở tại chỗ; trong thời gian chờ bố trí tái định cư được bố trí vào nhà ở tạm hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở; thời gian và mức hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Mức hỗ trợ tiền thuê nhà đối với khu vực phường thuộc thành phố là 1.500.000 đồng/nhân khẩu/tháng, đối với khu vực thị trấn và khu vực phường thuộc thị xã là 1.200.000 đồng/nhân khẩu/tháng, đối với khu vực nông thôn là 1.000.000 đồng/nhân khẩu/tháng.

Hộ độc thân thì mức hỗ trợ tiền thuê nhà khu vực phường thuộc thành phố là 3.000.000 đồng/tháng, đối với khu vực thị trấn và khu vực phường thuộc thị xã là 2.500.000 đồng/tháng, đối với khu vực nông thôn là 2.300.000 đồng/tháng.

b) Thời gian hỗ trợ tiền thuê nhà ở tối đa 09 tháng kể từ thời điểm người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng di dời.

c) Nhân khẩu được hỗ trợ là số nhân khẩu thường trú thực tế của hộ gia đình, cá nhân tại thời điểm thông báo thu hồi đất và được cơ quan Công an cấp xã xác nhận. Trường hợp đặc biệt giao cho cơ quan phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư quyết định.

2. Người có đất ở thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn theo quy định thì được thưởng như sau:

a) Đối với đất ở thu hồi không có nhà ở, công trình xây dựng thì được mức thưởng 20.000đ/m² với giá trị thưởng tối thiểu 500.000 đồng và tối đa không quá 10.000.000 đồng.

b) Trường hợp bị phá toàn bộ nhà ở và công trình kiến trúc phục vụ sinh hoạt, toàn bộ nhà sản xuất kinh doanh: 20.000.000đồng/hộ.

c) Trường hợp bị phá một phần nhà ở và công trình kiến trúc phục vụ sinh hoạt, toàn bộ nhà sản xuất kinh doanh: 10.000.000đồng/hộ.

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ điểm a, điểm b, điểm c khoản này, quyết định thưởng theo đề nghị của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

đ) Kinh phí thực hiện thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng được tính trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Điều 10. Suất tái định cư tối thiểu

1. Bằng đất ở: Diện tích tối thiểu là 40m² đối với khu vực đô thị và 70 m² đối với khu vực nông thôn.

2. Bằng nhà ở: Diện tích tối thiểu nhà ở chung cư là 40m².

3. Bằng tiền: Xác định bằng giá trị quyền sử dụng đất của thửa đất ở có diện tích 40m² đối với khu vực đô thị và 70m² đối với khu vực nông thôn tại khu tái định cư; xác định bằng giá trị nhà ở chung cư là 40m².

4. Hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài nhận đất ở, nhà ở tái định cư theo quy định mà số tiền bồi thường về đất nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu theo quy định thì Nhà nước hỗ trợ khoản chênh lệch giữa giá trị suất tái định cư tối thiểu và số tiền bồi thường về đất.

Điều 11. Hỗ trợ tái định cư

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài mà đủ điều kiện được hỗ trợ tái định cư theo quy định tại khoản 8 Điều 111 của Luật Đất đai mà có nhu cầu tự lo chỗ ở thì ngoài việc được bồi thường về đất bằng tiền còn được nhận tiền hỗ trợ để tự lo chỗ ở theo quy định tại khoản 1 Điều 9 quy định này.

Điều 12. Hỗ trợ giao đất ở có thu tiền sử dụng đất

Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ hoặc có nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi, nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng 01 thửa đất ở thu hồi mà diện tích đất ở bồi thường không đủ để giao riêng cho từng hộ gia đình, nếu hộ gia đình không còn chỗ ở nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn và địa phương có quỹ đất ở thì được xem xét hỗ trợ để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất hoặc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở cho các hộ gia đình còn thiếu nhưng phải đảm bảo mỗi lô đất không vượt quá hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân và phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Hỗ trợ thuê nhà ở, giao đất ở, bán nhà ở, hỗ trợ bằng tiền để tự lo chỗ ở

Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ nhà mà không còn chỗ nào khác trong địa bàn cấp huyện nơi có đất thu hồi thì được hỗ trợ như sau:

1. Hỗ trợ thuê nhà ở tại nơi tái định cư; giá thuê nhà ở là giá thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; nhà thuê tại nơi tái định cư được Nhà nước bán cho người đang thuê theo quy định của pháp luật về nhà ở về bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê, mức hỗ trợ tiền thuê nhà đối với khu vực thị trấn là 1.200.000 đồng/nhân khẩu/tháng, đối với khu vực nông thôn là 1.000.000 đồng/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 06 tháng.
2. Đối với trường hợp người đang sử dụng nhà ở bị thu hồi có nhu cầu và địa phương có quỹ đất ở, quỹ nhà ở tái định cư, nhà ở thương mại, nhà ở xã hội thì được xem xét giao đất ở có thu tiền sử dụng đất hoặc bán 01 căn nhà ở xã hội và phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
3. Đối với trường hợp người đang sử dụng nhà ở bị thu hồi mà tự lo chỗ ở mới thì được hỗ trợ theo mức quy định tại khoản 1 điều này.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với trường hợp đã có quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì tiếp tục thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Quyết định này.

2. Đối với trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa thực hiện thì tiếp tục thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã phê duyệt; việc xử lý chi trả bồi thường chậm được thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm Nhà nước ban hành quyết định thu hồi đất.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các Sở, ngành và các cơ quan liên quan có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo quy định của Luật Đất đai, Nghị định số 88/2024/NĐ-CP và quy định này.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, cá nhân liên quan đến thu hồi đất và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thu hồi có trách nhiệm thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo quy định của Luật Đất đai, Nghị định số 88/2024/NĐ-CP và quy định này.

4. Các Chủ đầu tư có dự án đầu tư có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong quá trình tổ chức thực hiện; bảo đảm kinh phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

5. Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu phát sinh khó khăn vướng mắc các tổ chức, cá nhân và cơ quan có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

